TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số 490/2023/HS-PT
Ngày 10/7/2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Tự Học;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Vũ Đông;

Ông Đặng Đình Lực.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Đặng Thị Cẩm Ly, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Vũ Quang Huy, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 10 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 106/2023/TLPT-HS ngày 10 tháng 02 năm 2023 đối với bị cáo Nguyễn Thị Việt Th, do có kháng cáo của bị cáo và kháng cáo của những người bị hại đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 81/2022/HS-ST ngày 29 tháng 12 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình.

**** Bị cáo có kháng cáo, bị kháng cáo:***

Nguyễn Thị Việt Th, sinh năm 1994 tại Thái Bình; nơi cư trú: thôn Việt T, xã Vũ V, huyện Vũ Th1, tỉnh Thái Bình; giới tính: Nữ; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông Nguyễn Đình T1 và bà Nguyễn Thị L; chồng là Lê Văn Th1 (đã ly hôn năm 2021), có 02 con chung; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 07/4/2022 đến nay; có mặt.

**** Người bào chữa cho bị cáo do Tòa án chỉ định*:** Luật sư Phạm Xuân Tr - Văn phòng luật sư Phạm Hữu L1 và Cộng sự, Đoàn luật sư tỉnh Thái Bình; có mặt.

**** Người bị hại có kháng cáo:***

1. Bà Đinh Thị U, sinh năm 1967; nơi cư trú: thôn An V1, xã Mê L2, huyện Đông H, tỉnh Thái Bình; có mặt.

2. Chị Phạm Thị Th2, sinh năm 1993 ; nơi cư trú: Tổ dân phố An Ph, thị trấn Kiến X, huyện Kiến X, tỉnh Thái Bình; có mặt.

3. Bà Lê Thị H1, sinh năm: 1969; nơi cư trú: thôn Vân Đ (xóm 3), xã Vũ L3, thành phố Thái B, tỉnh Thái Bình; có mặt.

4. Bà Nguyễn Thị L4, sinh năm 1962; nơi cư trú: thôn Luật N, xã Quang Lịch, huyện Kiến X, tỉnh Thái Bình; có mặt.

5. Bà Nguyễn Thị Th3, sinh năm 1977; nơi cư trú: thôn Thanh N, xã Minh Lãng, huyện Vũ Th1, tỉnh Thái Bình; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Thị Việt Th là nhân viên Văn phòng Công ty bảo hiểm AIA. Từ tháng 01/2021 đến tháng 10/2021, do cần tiền để trả nợ nên Th đã nói dối các bị hại là cần tiền đầu tư bất động sản, kinh doanh, nộp tiền hợp đồng bảo hiểm của các khách hàng đã khai thác được để vay mượn, sau đó chiếm đoạt tiền của 05 người cùng làm trong Công ty bảo hiểm AIA với bị cáo, tổng số tiền bị cáo chiếm đoạt là 2.416.335.000 đồng. Cụ thể:

1. Nguyễn Thị Việt Th lừa đảo chiếm đoạt của bà Đinh Thị U số tiền 1.613.875.000 đồng:

Bà Đinh Thị U là đại lý của Văn phòng Công ty bảo hiểm AIA nên có quen biết với Nguyễn Thị Việt Th. Cuối năm 2019, Th hỏi vay bà U 30.000.000 đồng nói dối là vay để mua nhà đất nhưng thực tế là để trang trải nợ nần, sau đó Th đã trả đầy đủ nên bà U tin tưởng. Cuối năm 2020, Th hỏi vay bà U 60.000.000 đồng để mua nhà đất. Th còn nói dối là làm ở Quỹ Trung tâm đầu tư đất tỉnh Thái Bình và đang kinh doanh nhà đất thu được lợi nhuận cao. Th rủ bà U góp vốn khoảng 1.200.000.000 đồng đến 1.400.000.000 đồng để kinh doanh nhà đất, đến đầu năm 2022 sẽ nhận lại được 22.000.000.000 đồng. Bà U đồng ý và thống nhất chuyển 60.000.000 đồng mà Th vay vào khoản tiền vốn góp, sau đó bà U tiếp tục chuyển thêm tiền cho Th. Th nhận tiền và soạn, ký các hợp đồng thỏa thuận kinh doanh đưa cho bà U. Cụ thể: Hợp đồng thỏa thuận kinh doanh ngày 08/01/2021, Th nhận của bà U 120.000.000 đồng và 60.000.000 đồng vay trước đó = 180.000.000 đồng; Hợp đồng chung vốn kinh doanh bất động sản ngày 27/02/2021, bị cáo nhận của bà U 700.000.000 đồng; Hợp đồng thỏa thuận kinh doanh đất đai ngày 10/4/2021, bị cáo nhận của bà U 40.000.000 đồng; Hợp đồng thỏa thuận kinh doanh đất đai ngày 16/4/2021 âm lịch, bị cáo nhận của bà U 300.000.000 đồng. Để bà U đưa thêm tiền, ngày 29/9/2021, Th soạn, ký Hợp đồng giao nhận tài sản do kinh doanh bất động sản thể hiện tổng số tiền mà bị cáo đã nhận của bà U là 1.220.000.000 đồng, tổng giá trị hoàn lại vào ngày 22/02/2022 âm lịch là 22.480.000.000 đồng. Th yêu cầu bà U nộp tiền đặt cọc cho Quỹ Trung tâm đầu tư đất là 10% = 2.480.000.000 đồng để được nhận tiền lợi nhuận trước thời hạn vào ngày 10/10/2021 âm lịch. Bà U nói không có số tiền trên thì bị cáo bảo cứ gom được

bao nhiêu đưa bị cáo, bị cáo bù thêm nộp cho Quỹ. Bà U đưa nhiều lần được 393.875.000 đồng, bị cáo Th ký Giấy nhận tiền ngày 13/8/2021 đưa cho bà U giữ.

Cuối tháng 10/2021 âm lịch, bà U tìm Th đòi số tiền đặt cọc và lợi nhuận theo cam kết, Th đã trả cho bà U lần 1 được 50.000.000 đồng, lần 2 trả 01 cây vàng SJC trị giá 57.000.000 đồng; bố mẹ bị cáo Th trả thay 10.000.000 đồng và 02 lần bị cáo Th nói biếu tiền bà U là 5.500.000 đồng. Tổng số tiền bị cáo Th chiếm đoạt của bà U là 1.613.875.000 đồng, đã trả được 122.500.000 đồng, bà U và bị cáo Th thống nhất, bị cáo còn phải trả bà U 1.491.375.000 đồng.

2. Nguyễn Thị Việt Th lừa đảo chiếm đoạt của chị Phạm Thị Th2 309.500.000 đồng:

Tháng 4/2021, Nguyễn Thị Việt Th nói dối với chị Th2 là Th và một người bạn học đang kinh doanh bỉm, sữa, đồ chơi trẻ em nên bị cáo rủ chị Th2 tham gia góp vốn 50.000.000 đồng. Chị Th2 đồng ý và chuyển khoản 49.500.000 đồng cho Th. Để chị Th2 không nghi ngờ, Th nói cộng cả 500.000 đồng tiền công bị cáo trả cho việc chị Th2 viết hộ bị cáo hồ sơ bảo hiểm thì chị Th2 góp vốn là 50.000.000 đồng và thi thoảng bị cáo đưa cho chị Th2 ít tiền nói là lợi nhuận kinh doanh, tổng số tiền bị cáo đưa cho chị Th2 là 18.800.000 đồng.

Tháng 8/2021, Th nói dối chị Th2 là kinh doanh khẩu trang và đồ chơi trung thu nên rủ chị Th2 góp vốn. Chị Th2 chuyển khoản lần 1 là 15.000.000 đồng cho Th. Sau đó 03 lần chuyển khoản và 01 lần đưa tiền mặt, tổng số là 45.000.000 đồng cho Th để góp vốn kinh doanh khẩu trang, Th sử dụng chi tiêu cá nhân hết. Tháng 10/2021, bị cáo đưa cho chị Th2 10.000.000 đồng nói là lợi nhuận kinh doanh để chị Th2 không nghi ngờ. Tháng 9/2021, bị cáo nói dối chị Th2 là cần tiền mua đất, rủ chị Th2 góp vốn. Chị Th2 đã 03 lần chuyển khoản 180.000.000 đồng, 01 lần đưa tiền mặt 20.000.000 đồng, tổng cộng là 200.000.000 đồng cho bị cáo. Tháng 10/2021, bị cáo trả cho chị Th2 90.000.000 đồng. Tổng số tiền bị cáo chiếm đoạt của chị Th2 là 309.500.000 đồng, đã trả 118.800.000 đồng. Bị cáo và chị Th2 thống nhất bị cáo còn phải trả chị Th2 số tiền 190.700.000 đồng.

3. Nguyễn Thị Việt Th lừa đảo chiếm đoạt của bà Lê Thị H1 315.000.000 đồng:

Tháng 9/2021, Th nói dối bà H1 là cần tiền mua đất ở Phú Xuân để kinh doanh, rủ bà H1 và chị Phạm Thị Th2 (con gái bà H1, cũng là bị hại trong vụ án) góp vốn. Bà H1 và chị Th2 đồng ý nên bà H1 đã 03 lần chuyển khoản, 03 lần đưa tiền mặt cho Th, tổng số là 315.000.000 đồng. Ngày 02/10/2021, Th viết giấy biên nhận tiền của bà H1 và chị Th2, cam kết đến ngày 27/10/2021 sẽ thanh toán trả bà H1 và chị Th2 1.455.000.000 đồng nhưng đến nay chưa trả. Bà H1 yêu cầu bị cáo Th phải trả số tiền 315.000.000 đồng.

4. Nguyễn Thị Việt Th lừa đảo chiếm đoạt của bà Nguyễn Thị Th3 số tiền 51.000.000 đồng:

Tháng 9/2021, bị cáo Th nói dối bà Th3 là có ký được một số hợp đồng bảo hiểm nhân thọ, tổng trị giá 165.000.000 đồng, Th muốn nộp nhờ vào mã đại lý của bà Th3. Để bà Th3 tin tưởng, Th hỏi xin 15 hóa đơn của mã số đại lý của bà Th3 để viết thu tiền cho khách đóng bảo hiểm. Bà Th3 tin tưởng và mong muốn có doanh số cao, được công ty thưởng nên đưa 15 hóa đơn và chuyển khoản 51.000.000 đồng cho Th. Ngày 30/9/2021, Th ký 01 giấy cho vay do bà Th3 viết, nội dung bị cáo đã nhận đủ 51.000.000 đồng. Sau đó bà Th3 phát hiện Th không nộp tiền bảo hiểm cho khách hàng nên bà Th3 đòi tiền nhưng Th không trả. Bà Th3 yêu cầu bị cáo Th trả số tiền này.

5. Nguyễn Thị Việt Th lừa đảo chiếm đoạt của bà Nguyễn Thị L4 126.960.000 đồng:

Tháng 10/2021, Th nói dối bà L4 là khai thác được nhiều hợp đồng bảo hiểm nhân thọ nhưng khách hàng chậm nộp tiền từ 2-3 ngày đến 1 tuần sau khi ký hợp đồng. Th hỏi vay tiền bà L4 để nộp cho khách hàng thông qua mã số đại lý của bà L4, khi thu được của khách hàng thì Th trả lại bà L4. Ngoài ra, Th còn hứa sẽ chuyển số hợp đồng trên cho bà L4, lợi nhuận trong việc khai thác hợp đồng hai người chia đôi. Để bà L4 tin tưởng, Th tự nghĩ ra và nhắn qua điện thoại di động danh sách 11 khách hàng ký hợp đồng bảo hiểm cho bà L4. Bà L4 đồng ý và 03 lần chuyển khoản, 02 lần đưa tiền mặt cho Th, tổng số là 126.000.000 đồng. Sau đó bà L4 phát hiện Th không nộp tiền bảo hiểm cho khách hàng như đã nói nên đòi tiền Th nhưng Th không trả. Bà Lê yêu cầu bị cáo Th phải trả bà số tiền này.

Cáo trạng số 77/CT-VKSTB ngày 27/10/2022, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình truy tố bị cáo Nguyễn Thị Việt Th về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 81/2022/HS-ST ngày 29/12/2022, Toà án nhân dân tỉnh Thái Bình đã quyết định: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Việt Th phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; Điều 38; Điều 50; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Việt Th 18 (mười tám) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam 07/4/2022.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự; các Điều 584, 585, 587, 589 Bộ luật dân sự, buộc bị cáo Nguyễn Thị Việt Th:

1. Trả cho bà Đinh Thị U, sinh năm 1967; nơi cư trú: thôn An V1, xã Mê L2, huyện Đông H, tỉnh Thái Bình 1.491.375.000 đồng.

2. Trả cho chị Phạm Thị Th2, sinh năm 1993; nơi cư trú: Tổ dân phố An Ph, thị trấn Kiến X, huyện Kiến X, tỉnh Thái Bình 190.700.000 đồng.

3. Trả cho bà Lê Thị H1, sinh năm 1969; nơi cư trú: thôn Vân Đ (xóm 3), xã Vũ L3, thành phố Thái B, tỉnh Thái Bình 315.000.000 đồng.

4. Trả cho bà Nguyễn Thị Th3, sinh năm 1977; nơi cư trú: thôn Thanh N, xã Minh Lãng, huyện Vũ Th1, tỉnh Thái Bình 51.000.000 đồng;

5. Trả cho bà Nguyễn Thị L4, sinh năm 1962; nơi cư trú: thôn Luật N, xã Quang Lịch, huyện Kiến X, tỉnh Thái Bình 126.960.000 đồng.

Ngoài ra Tòa án cấp sơ thẩm quyết định về án phí, nghĩa vụ thi hành án và thông báo quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 11/01/2023, bị cáo Nguyễn Thị Việt Th kháng cáo xin giảm hình phạt.

Ngày 03/01/2023, những người bị hại bà Đinh Thị U, chị Phạm Thị Th2, bà Lê Thị H1, bà Nguyễn Thị L4, bà Nguyễn Thị Th3 kháng cáo đề nghị tăng hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Thị Việt Th.

Ngày 20/3/2023, bị cáo Nguyễn Thị Việt Th có đơn xin rút toàn bộ đơn kháng cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người bị hại bà Đinh Thị U, chị Phạm Thị Th2, bà Lê Thị H1, bà Nguyễn Thị L4, bà Nguyễn Thị Th3 vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo và cho rằng bị cáo Th không có ý thức bồi thường khắc phục hậu quả, Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo 18 năm tù là chưa thỏa đáng, đề nghị Hội đồng xét xử tăng hình phạt đối với bị cáo Th.

Bị cáo Nguyễn Thị Việt Th xác nhận bị cáo đã có đơn xin rút kháng cáo ngày 20/3/2023, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của các bị hại, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Người bào chữa cho bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của những người bị hại, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội có quan điểm giải quyết vụ án:

Ngày 20/3/2023, bị cáo Th đã có văn bản xin rút toàn bộ kháng cáo, do vậy đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 348 Bộ luật tố tụng hình sự, đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bị cáo Th.

Xét kháng cáo của các bị hại bà U, chị Th2, bà H1, bà L4, bà Th3, thấy: Bị cáo Th có hành vi gian dối, lừa đảo chiếm đoạt của 5 người bị hại với tổng số tiền 2.416.335.000 đồng, Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo Th 18 năm tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật và phù hợp, tương xứng với tính chất mức độ, hậu quả hành vi phạm tội của bị cáo. Do vậy không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của các bị hại, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự, bác kháng cáo của các bị hại, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, những người tham gia tố tụng không có khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

Kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị Việt Th và kháng cáo của những người bị hại bà Đinh Thị U, chị Phạm Thị Th2, bà Lê Thị H1, bà Nguyễn Thị L4, bà Nguyễn Thị Th3 làm trong hạn luật định, được chấp nhận xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Trước khi mở phiên tòa phúc thẩm, ngày 20/3/2023, bị cáo Nguyễn Thị Việt Th đã có văn bản xin rút toàn bộ đơn kháng cáo, do vậy Hội đồng xét xử căn cứ Điều 348 Bộ luật tố tụng hình sự, đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bị cáo Th.

[2] Về nội dung: Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Thị Việt Th thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như cáo trạng đã truy tố, bản án sơ thẩm đã xét xử đối với bị cáo. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phiên tòa sơ thẩm, phù hợp với lời khai của những người bị hại, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, do đó có cơ sở xác định: Bị cáo Nguyễn Thị Việt Th lợi dụng sự tin tưởng của những bị hại nên đã dùng thủ đoạn nói dối các bị hại là bị cáo cần tiền để đầu tư, kinh doanh bất động sản, khẩu trang, bỉm, sữa, đóng bảo hiểm cho khách hàng để chiếm đoạt của 05 người bị hại với tổng số tiền là 2.416.335.000 đồng, trong đó chiếm đoạt của bà Đinh Thị U 1.613.875.000 đồng, của chị Phạm Thị Th2 309.500.000 đồng, của bà Lê Thị H1 315.000.000 đồng, của bà Nguyễn Thị Th3 51.000.000 đồng và của bà Nguyễn Thị L4 126.960.000 đồng. Do có hành vi nêu trên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình, Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình đã truy tố, xét xử bị cáo Nguyễn Thị Việt Th về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Thị Việt Th rất nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được tính chất, mức độ và hậu quả của hành vi do mình thực hiện nhưng vì cần tiền trả nợ và chi tiêu cá nhân, bị cáo vẫn cố ý phạm tội, đã chiếm đoạt của 5 người bị hại tổng số tiền 2.416.335.000 đồng. Khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét áp dụng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Việt Th 18 năm tù là có căn cứ, đúng pháp luật, phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo. Những người bị hại kháng cáo đề nghị tăng hình phạt đối với bị cáo nhưng không đưa ra được căn cứ chứng minh, do vậy, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của các bị hại.

Ý kiến của luật sư bào chữa cho bị cáo cũng như quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[2] Về án phí: Bị cáo và những người bị hại không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ Điều 348; điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị Việt Th;

2. Không chấp nhận kháng cáo của những người bị hại bà Đinh Thị U, chị Phạm Thị Th2, bà Lê Thị H1, bà Nguyễn Thị L4, bà Nguyễn Thị Th3; giữ nguyên quyết định của Bản án hình sự sơ thẩm số 81/2023/HS-ST ngày 29/12/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình, cụ thể như sau:

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Thị Việt Th phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

Về hình phạt: Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; Điều 38; Điều 50; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự; Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Việt Th 18 (mười tám) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam 07/4/2022.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự; các Điều 584, 585, 587, 589 Bộ luật dân sự, buộc bị cáo Nguyễn Thị Việt Th:

- Trả cho bà Đinh Thị U, sinh năm 1967; nơi cư trú: thôn An V1, xã Mê L2, huyện Đông H, tỉnh Thái Bình 1.491.375.000đ (Một tỷ bốn trăm chín mươi mốt triệu ba trăm bảy mươi lăm nghìn đồng).

- Trả cho chị Phạm Thị Th2, sinh năm 1993; nơi cư trú: Tổ dân phố An Phú, thị trấn Kiến X, huyện Kiến X, tỉnh Thái Bình 190.700.000đ (Một trăm chín mươi triệu bảy trăm nghìn đồng).

- Trả cho bà Lê Thị H1, sinh năm 1969; nơi cư trú: thôn Vân Đ (xóm 3), xã Vũ L3, thành phố Thái B, tỉnh Thái Bình 315.000.000đ (Ba trăm mười lăm triệu đồng).

- Trả cho bà Nguyễn Thị Th3, sinh năm 1977; nơi cư trú: thôn Thanh N, xã Minh Lãng, huyện Vũ Th1, tỉnh Thái Bình 51.000.000đ (Năm mươi mốt triệu đồng);

- Trả cho bà Nguyễn Thị L4, sinh năm 1962; nơi cư trú: thôn Luật N, xã Quang Lịch, huyện Kiến X, tỉnh Thái Bình 126.960.000đ (Một trăm hai mươi sáu triệu chín trăm sáu mươi nghìn đồng).

2. Về án phí: Bị cáo Nguyễn Thị Việt Th, những người bị hại bà Đinh Thị U, chị Phạm Thị Th2, bà Lê Thị H1, bà Nguyễn Thị L4, bà Nguyễn Thị Th3 không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- *VKSNDCC tại Hà Nội;*
- *TAND tỉnh Thái Bình;*
- *VKSND tỉnh Thái Bình;*
- *Công an tỉnh Thái Bình;*
- *Cục THADS tỉnh Thái Bình;*
- *TTG - Công an tỉnh Thái Bình;*
- *Bị cáo (qua trại);*
- *Người bị hại (theo đ/c);*
- *Lưu HS, PHCTP.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Tự Học